

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SÁNG TẠO SUN D'ART**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SÁNG TẠO SUN D'ART

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUN D'ART MEDIA CREATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SUN D'ART .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109982001

**3. Ngày thành lập:** 29/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 107 Phố Hàng Bông, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913351666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                           | 4651     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                            | 4652     |
| 3.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện                                                       | 8230     |
| 4.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                         | 6201     |
| 5.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                           | 6202     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                               | 6209     |
| 7.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê và các hoạt động báo chí)            | 6311     |
| 8.  | Cổng thông tin<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước và các hoạt động báo chí)<br>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử, mạng xã hội      | 6312     |
| 9.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, hôn nhân có yếu tố nước ngoài, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán) | 7020     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | <p>Quảng cáo</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sáng tạo và thực hiện các chiến dịch quảng cáo: Sáng tạo và đặt quảng cáo trong báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, internet và các phương tiện truyền thông khác; đặt quảng cáo ngoài trời như: bảng lớn, panô, bảng tin, cửa sổ, phòng trưng bày, ô tô con và ô tô buýt...; phân phối các nguyên liệu hoặc mẫu quảng cáo; cung cấp các chỗ trống quảng cáo trên bảng lớn; thiết kế vị trí và trình bày trên trang web;</li> <li>- Làm các chiến dịch quảng cáo và những dịch vụ quảng cáo khác có mục đích thu hút và duy trì khách hàng như: Khuếch trương quảng cáo; marketing điểm bán; quảng cáo thư trực tuyến; tư vấn marketing.</li> </ul> | 7310(Chính) |
| 11. | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Dịch vụ thiết kế website.</p> <p>Hoạt động trang trí nội thất, ngoại thất</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410        |
| 12. | <p>Hoạt động nhiếp ảnh</p> <p>( Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7420        |
| 13. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1811        |
| 14. | <p>Dịch vụ liên quan đến in</p> <p>(trừ rên rập khuôn tem)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1812        |
| 15. | <p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Khách sạn</p> <p>Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5510        |
| 16. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5590        |
| 17. | <p>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</p> <p>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5610        |
| 18. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5621        |
| 19. | <p>Dịch vụ ăn uống khác</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5629        |
| 20. | <p>Dịch vụ phục vụ đồ uống</p> <p>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5630        |
| 21. | <p>Xuất bản phần mềm</p> <p>(trừ loại Nhà nước cấm và hoạt động xuất bản phẩm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5820        |

|     |                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết:<br>Sản xuất Phim                               | 5911 |
| 23. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                     | 5912 |
| 24. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video | 5913 |
| 25. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(trừ xuất bản phẩm)                                                                          | 5920 |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                               | 4741 |
| 27. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                            | 4742 |
| 28. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                           | 4762 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                               | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT VÀ SỰ KIỆN SUN BRIGHT | Số 63, phố Mai Hắc Đế, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    | 0107313975                                                                                  |         |
|     |                                                           |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                           |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                           |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                           |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                           |                                                                                        | Tổng số                   | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                           |                                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                                                         |                           |         |               |        |              |
|---|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 2 | TRẦN THỊ KIM LIÊN | Phòng 12B01 Tòa T3, Sun Grand City, Số 3 phố Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 90.000  | 900.000.000   | 30,000 | 038176000028 |
|   |                   |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                                         | Tổng số                   | 90.000  | 900.000.000   | 30,000 |              |
|   |                   |                                                                                                                         |                           |         |               |        |              |
| 3 | VŨ HỒNG QUÂN      | Số 2, ngách 360/4 đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông         | 120.000 | 1.200.000.000 | 40,000 | 001087003923 |
|   |                   |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                                         | Tổng số                   | 120.000 | 1.200.000.000 | 40,000 |              |
|   |                   |                                                                                                                         |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ HỒNG QUÂN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *27/07/1987*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001087003923*

Ngày cấp: *20/09/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 2, ngách 360/4 đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 2, ngách 360/4 đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*